

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tấn Bình;

Ông Đoàn Minh Phúc.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình K – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 102/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim O, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ A, ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Ngọc H, sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú: 285, Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; tạm trú: tổ A, ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Kim O trình bày:

Bà Lê Thị Kim O và ông Đỗ Ngọc H tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30,

ngày 14 tháng 5 năm 2018. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần dần phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau trong công việc, không cùng quan điểm và không tôn trọng nhau, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị Kim O yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Ngọc H.

Về con chung: Bà O và ông H có một con chung tên Đỗ Ngọc Kim U, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2021. Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim U.

Về cấp dưỡng: Bà O không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Ngọc Kim U.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Đỗ Ngọc H trình bày:

Ông H thống nhất với lời trình bày của bà O về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Ông H và bà O không còn tình cảm với nhau, không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Bà O yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý.

Về con chung: Ông H và bà O có một con chung tên Đỗ Ngọc Kim U, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2021. Ông H đồng ý giao cháu Kim U cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T cung cấp như sau: Bà Lê Thị Kim O và ông Đỗ Ngọc H quá trình chung sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn gì không, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không có thông tin do ông bà không nhờ địa phương hoặc tổ chức đoàn thể can thiệp giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Đỗ Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim O về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn là ông Đỗ Ngọc H có nơi cư trú tại tổ A, ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim O và bị đơn ông Đỗ Ngọc H vắng mặt, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà O, ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà O và ông H chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo nên hôn nhân của bà O và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc bà O và ông H là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình, như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà O và ông H cùng thống nhất vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn của bà O là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà O và ông H có một con chung tên Đỗ Ngọc Kim U, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2021. Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim U, ông H đồng ý giao cháu Kim U cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Kim U đang sống ổn định với bà O. Bà O có công việc, thu nhập ổn định và đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nên yêu cầu về con chung của bà O là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà O không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà O, ông H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim O đối với bị đơn ông Đỗ Ngọc H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Kim O được ly hôn với ông Đỗ Ngọc H.

- Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Ngọc Kim U, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2021 cho bà Lê Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng: Bà Lê Thị Kim O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Kim O và ông Đỗ Ngọc H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm

ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013664 ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là UBND xã Trừ Văn Thố, Thành phố Hồ Chí Minh) (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 14-5-2018);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khoa